

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 19-6-2026

*“Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và cấp dưỡng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Thông và ông Nguyễn Tây Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Thương - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoàn Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2026/TLST–HN&GD, ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-HN&GD, ngày 08 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 và số: 31/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị U, sinh ngày 06/10/1975; căn cước công dân số: 036175012847, ngày cấp: 12/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ C; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh ngày 26/6/1967; căn cước công dân số: 036067013407, ngày cấp: 20/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ C; địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2026 và quá trình giải quyết vụ án, bà Ngô Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị U và ông Lê Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/1993, tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01. Bà U và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hòa thuận và hạnh phúc nhưng sau đó do sự khác biệt về quan điểm sống, cách nhìn nhận và ứng xử hàng ngày, nên mỗi quan

hệ vợ chồng dần trở nên căng thẳng và không thể tiếp tục chung sống; mặc dù ông bà đã cho nhau cơ hội để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà đã ly thân từ đầu năm 2022. Vì vậy, bà Ngô Thị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lê Văn B. Về con chung: Bà Ngô Thị U và ông Lê Văn B có 04 con chung là Lê Văn D, sinh năm 1994; Lê Công M, sinh năm 1997; Lê Thị Mỹ H, sinh năm 2000 và Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016. Đối với 03 con chung Lê Văn D, Lê Công M và Lê Thị Mỹ H đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, tự đi làm để tự nuôi sống bản thân, không cần nuôi dưỡng nên bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016 đang học tại trường tiểu học K, bà U có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Ngô Gia P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2026, bà Ngô Thị U yêu cầu ông Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con chung Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016 mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà U không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông B thừa nhận đã sống ly thân với bà U từ năm 2022 và không còn tình cảm với bà U nhưng ông B không đồng ý ly hôn vì cho rằng hai bên chưa giải quyết về vấn đề tài sản. Về con chung: Ông B thừa nhận về con chung như lời khai của bà U nhưng đề nghị được nuôi con chung Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nếu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn; ông B không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị U: Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Uyên ly H1 ông Lê Văn B. Về con chung: Giao 01 con chung Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016 cho bà U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp con chung và cấp dưỡng; bị đơn thường trú tại thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội).

[1.2]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử mở phiên tòa giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị U và ông Lê Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/1993 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là UBND xã N, tỉnh Ninh Bình), được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01 trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, theo lời khai của bà U trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông B cũng thừa nhận: ông bà đã sống ly thân từ năm 2022 và hai bên không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, ... 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*” nhưng bà U đã vi phạm nghiêm trọng quy định này làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà U và ông B có 04 con chung nhưng đối với Lê Văn D, sinh năm 1994, Lê Công M, sinh năm 1997 và Lê Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, tự đi làm để nuôi sống bản thân, không cần nuôi dưỡng nên bà U và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016 thì cả bà U và ông B đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông bà đều có điều kiện để nuôi dưỡng cháu P nhưng cháu P có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn và bà U là mẹ thì sẽ chăm sóc con tốt hơn nên cần giao cháu P cho bà U nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho con chung được phát triển ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của con chung. Ông B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Bà U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội); các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị U, cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Ngô Thị Uyên ly H1 bị đơn ông Lê Văn B.

1.2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngô Gia P, sinh ngày 18/10/2016 cho bà Ngô Thị U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Lê Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết (do các đương sự không có yêu cầu).

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị U phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0006865 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Ông Lê Văn B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Ngô Thị U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8-Lâm Đồng;
- UBND xã Nghĩa Lâm, Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thị Diễm My